**Câu hỏi 4 điểm**

Câu 1(4 điểm): Tại Sao Mối Quan Hệ Giữa Tư Duy Và Tồn Tại Hay Giữa Vật Chất Và Ý Thức Là Vấn Đề Cơ Bản Của Triết Học ?

\*Định nghĩa vấn đề cơ bản của triết học.

-Ăng Ghen ‘Vấn đề cơ bản của triết học đặc biệt là triết học là mối quan hệ giữa tư duy và tồn tại (hay giữa vật chất và ý thức)‘’

-Hai mặt trong vấn đề cơ bản của triết học:

+Mặt thứ nhât: Mối quan Hệ giữa vật chất và ý thức.

+Mặt thứ hai: Con người cso khả năng nhận thức được thế giới hay không.

\*Tại Sao:

-Đây là vấn đề rộng nhất, chung nhất. Đóng vai trò là nền tảng, định hướng để giải quyết các vấn đề khác.

-Các trường phái triết học đều trực tiếp/ gián tiếp đi vào giả thích về mối quan hệ giữa tư duy và tồn tại hay giữa vật chất và ý thức trước khi đi vào quyết định của mình.

-Việc quết định mối quan hệ giữa vật chất và ý thức là cơ sở xuất phát cho các quyế định triết học nảy sinh.

-Việc quyết định vấn đề cơ bản của triết học là tính chất khách quan khoa học để phá định lập trường tư tưởng triết học của các nhà triết học trong lịch sử.

Câu 2: Có thể đồng nhất chất của sự vật với thuộc tính của sự vật được không? Tại sao?

\*Chất là một phạm trù [triết học](https://hocluat.vn/triet-hoc/) dùng để chỉ tính quy định khách quan vốn có của sự vật, hiện tượng; là sự thống nhất hữu cơ giữa các [thuộc tính](https://hocluat.vn/wiki/thuoc-tinh/), các yếu tố cấu thành sự vật, hiện tượng, làm cho sự vật là nó mà không phải là cái khác.

Thuộc tính chỉ những đặc điểm, tính chất chung của sự vật hiện thượng

\* Lý giải tại sao (2 điểm)

- Chất không bao hàm tất cả các thuộc tính

- Chỉ bao hàm thuộc tính cơ bản

- Sự vật gồm nhiều chất

- Sự phân biệt chất thuộc tính mang tính tương đối

Câu 3: Phân biệt giữa hoạt động có ý thức của con người và hoạt động bản năng của động vật và hoạt động của người máy ( rô bốt).

\*Bản chất của ý thức: ý thức là phản ánh có tính chất năng động, sáng tạo của bộ óc con người về thế giới khách quan, là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan.

-Tính chất năng động, sáng tạo của sự phản ánh ý thức: thể hiện khả năng hoạt động tâm sinh lý của con người trong việc người tiếp nhận, chọn lọc, xử lý, lưu giữ thông tin. Trên cơ sở những cái đã có, ý thức có khả năng tạo ra tri thức mới, tưởng tượng ra cái không có thực trong thực tế, tiên đoán và dự báo tương lai…

-Ý thức là hình ảnh chủ quan về thế giới khách quan: ý thức là hình ảnh về thế giới khách quan quyết định cả về hình thức và nội dung, sống nó không còn y nguyên như thế giới khách quan. Theo mác, ý thức chẳng qua chỉ là vật chất được đem chuyển vào trong bộ não người và được bộ não cải biến đi ở trong đó.

-Ý thức là 1 hiện tượng xã hội và mang bản chất xã hội: sự ra đời và tồn tại của ý thức gắn liền với hoạt động thực tiễn, chịu sự chi phối của các quy luật tự nhiên, xã hội. Với tính năng động, ý thức sáng tạo lại thực hiện theo nhu cầu của thực tiễn.

\*Phân biệt giữa hoạt động có ý thức của con người và hoạt động bản năng của động vật.( 1.5đ)

- Hoạt động có ý thức của con người P/A thế giới khách qua thông qua lao động nhằm cải tạo thế giới theo nhu cầu con người. Còn hoạt động bản năng của động vật hình thành do tính chất và quy luật sinh học chi phối.

- Con người biết chế tạo công cụ lao động. Không chỉ sử dụng những vật liệu sẵn có trong tự nhiên mà còn sản xuất ra của cải không chỉ có trong tự nhiên . Con vật tồn tại nhờ vào vật phẩm sẵn có trong tự nhiên.

- Hoạt động có ý thức của con người là hoạt động có mục đích, sáng tạo, có kế hoạch .... hoạt động của con vật phụ thuộc vào tự nhiên, thụ động không có sự sáng tạo.

\*Phân biệt giữa hoạt động có ý thức của con người và hoạt động của người máy ( rô bốt)( 1.5đ)

- Ý thức mang bản chất xã hội đây là sự khác biệt cơ bản

- Người máy hoạt động theo nguyên tắc và chương trình do con người xây dựng. Bản thân máy móc không hiểu được kết quả hoạt động của nó có ý nghĩa gì.

- Máy không thể phản ánh sáng tạo lại hiện thực dưới dạng tinh thần như hoạt động ý thức của con người. Người máy chỉ là công cụ giúp con người hoạt động ngày càng có hiệu quả hơn trong hoạt động thực tiễn.

Câu 4 : Tính vượt trước của ý thức xã hội so với Tồn tại xã hội? Ý nghĩa của nó trong việc xây dựng đời sống tinh thần ở Việt Nam hiện nay?

\*Khái niệm ý thức xã hội: là phương diện sinh hoạt tinh thần của xã hội ( bao gồm quan điểm, tư tưởng, tình cảm, ...) nảy sinh trong xã hội và phản ánh tồn tại xã hội trong giai đoạn phát triển nhất định.

\* Tính vượt trước:

- Trong những điều kiện hoàn cảnh nhất định, tư tưởng con người \_ đặc biệt là tư tưởng tiên tiến khoa học có thể vượt trước sự phát triển  tồn tại xã hội, dự báo tương lai,có tác dụng tổ chức chỉ đạo hoạt động thực tiễn.......ví dụ

- Sự vượt trước của YTXH chỉ có tác dụng khi nó phản ánh đúng những mối liên hệ bản chất, tất yếu, khách quan của TTXH.

- YTXH có khả năng vượt trước TTXH là do YTXH có tính độc lập tương đối, có khả năng phát huy tính sáng tạo trong quá trình phản ánh TTXH.

\*Ý nghĩa: (1đ)

-YTXH mới đòi hỏi phát huy tính năng động, sáng tạo, tích cực của YTXH; phát huy nhân tố con người.

-Trong sự nghiệp đổi mới toàn diện Đảng ta chủ trương : lấy việc phát huy nguồn lực con người làm yếu tố cơ bản cho sự phát triển bền vững. Khơi dậy trong nhân dân lòng yêu nước, ý chí quật cường, tài trí ......

-Tính vượt trước của YTXH đòi hỏi khắc phục triệt để bệnh bảo thủ, trì trệ, thái độ tiêu cực thụ động, thiếu sáng tạo trong cuộc sống.

Câu 5: Tại sao nói, trong các hình thức cơ bản của hoạt động thực tiễn, hoạt động sản xuất vật chất đóng vai trò quyết định nhất?

\*Khái niệm: thực tiễn là toàn bộ hoạt động vật chất có mục đích, mang tính lịch sử, xã hội của con người nhằm cải biến tự nhiên và xã hội.

\*Tính chất của hoạt động thực tiễn:

-Là hoạt động có tính cộng đồng xã hội.

-Là hoạt động có tính lịch sử cụ thể.

-Là hoạt động có tính sáng tạo, có mục đích cải tạo tự nhiên, hoàn thiện con người.

\*3 hình thức cơ bản của thực tiễn:

-Hoạt động sản xuất vật chất: quá trình của con người sử dụng công cụ lao động tác động vào tự nhiên, tạo ra của cải vật chất cho xã hội ( ví dụ:dùng cuốc đi cuốc đất trồng cây vải, trồng mít,…)

-Hoạt động chính trị- xã hội: là hoạt động của các cộng đồng người, các tổ chức khác nhau trong xã hội nhằm cải biến những quan hệ chính trị-xã hội để thúc đẩy xã hội phát triển. ( ví dụ: đoàn thanh niên, hội sinh viên)

-Hoạt động thực nghiệm: khoa học là một hình thức đặc biệt của thực tiễn, được tiến hành trong những điều kiện do con người tạo ra, gần giống, giống hoặc lặp lại những trạng thái của tự nhiên và xã hội nhằm xác định những quy luật biến đổi, phát triển của đối tượng nghiên cứu. Dạng hoạt động này có vai trò trong sự phát triển của xã hội, đặc biệt là trong thời kỳ cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại.

\* Tại sao? (2đ)

-Sản xuất vật chất là cơ sở cho sự tồn tại và phát triển của xã loài người

- Sản xuất vật chất là cơ sở hình thành nên các quan hệ xã hội

-Sản xuất vật chất là cơ sở sáng tạo ra toàn bộ đời sống tinh thần của xã hội

-Sản xuất vật chất là điều kiện chủ yếu sáng tạo ra bản thân con người

-SXVC là cơ sở cho sự tồn tại của các hình thức thực tiễn khác cũng như các hoạt động sống khác của con người

Câu 6: Trong kết cấu của LLSX yếu tố nào giữ vai trò quyết định nhất? Tại sao?

\*Người lao động là yếu tố giữ vai trò quyết định nhất

\*LLSX ( Định nghĩa, Kết cấu LLSX) (2 đ)

+Lực lượng sản xuất: là mối quan hệ giữa con người với tự nhiên trong quá trình sản xuất vật chất, là tổng hợp các yếu tố vật chất và tinh thần tạo thành sức mạnh thực tiễn cải biến giới tự nhiên theo nhu cầu sinh tồn và phát triển của con người.

+Trình độ phát triển của lực lượng sản xuất phản ánh trình độ chinh phục giới tự nhiên của con người

-Kết cấu của lực lượng sản xuất bao gồm:

+ trong các nguyên tố thuộc về người lao động (năng lực, kỹ năng, tri thức,… của người lao động)

+các tư liệu sản xuất (đối tượng lao động, công cụ lao động, tư liệu phụ trợ,…)

\*Tại sao:

- Người lao động là lực lượng cơ bản sáng tạo ra công cụ lao động và trực tiếp sử dụng công cụ lao động đê tạo ra của cải vật chất cho xã hội. Các giá trị và hiệu quả thực tế của công cụ lao động phụ thuộc vào trình độ thực tế sử dụng và sáng tạo của người lao động.

- Người lao động là chủ thể của quá trình sản xuất, quyết định tới mục đích, nhiệm vụ, phương hướng ,quy mô, trình độ, năng suất, hiệu quả… của quá trình sản xuất.

- Cùng với quá trình lao động sản xuất, sức mạnh và kỹ năng lao động của con người ngày càng tăng lên, đặc biệt là hàm lượng trí tuệ và làm cho họ trở thành yếu tố quyết định của lực lượng sản xuất  xã hội .

Câu 7: Trong kết cấu của LLSX yếu tố nào động nhất, cách mạng nhất? Tại sao?

\*CCLĐ là yếu tố động nhất, cách mạng nhất

\*LLSX ( Định nghĩa, Kết cấu LLSX)

\*Lý giải tại sao?

- Công cụ lao động là yếu tố mà con người luôn tìm cách cả tiến và phát minh mới không ngừng nhằm thỏa mãn những nhu cầu của con người trong sản xuất: tăng năng suất lao động nhưng giảm thời gian lao động, giảm công sức lao đông…

- Là yếu tố cách mạng vì sự thay đổi, phát triển của nó khiến LLSX phát triển không ngừng, kéo theo sự thay đổi QHSX, từ đó làm thay đổi PTSX

Câu 8: Tại sao khoa học là LLSX trực tiếp của xã hội hiện nay? Cho ví dụ ?

\*LLSX ( Định nghĩa, Kết cấu LLSX) (2 đ)

\*Lý giải tại sao? Ví dụ (2 đ)

-Khoa học trực tiếp sản xuất ra các loại hàng hoá đặc biệt, như phát minh; sáng chế; quy trình công nghệ và trở thành ngành sản xuất với đầu tư ngày càng tăng.

-Khoa học ngày càng  thâm nhập sâu vào mọi thành tố của LLSX, trở thành mắt khâu bên trong của quá trình sản xuất, là nguyên nhân của mọi biến đổi trong sản xuất:

-Khoa học đi vào hợp lý hoá quá trình tổ chức, quản lý sản xuất, nâng cao năng suất lao động.

-Phát minh khoa học làm xuất hiện những ngành sản xuất mới, những máy móc thiết bị mới, công nghệ mới, nguyên vật liệu mới, năng lượng mới.

-Tri thức khoa học giúp phát triển trí lực của người lao động hiện đại, tạo ra những năng lực lao động, kỹ xảo lao động và tri thức quản lý cho người lao động.

Câu 9: Phân tích sự đối lập giữa phương pháp biện chứng và phương pháp siêu hình và ý nghĩa của hai phương pháp tư duy đó.

\*Phương pháp siêu hình

-Nhận thức sự vật hiện tượng ở trạng thái cô lập, chỉ thấy đc bộ phận mà ko thấy được toàn thể.

-Nhận thức sv, ht ở trạng thái tĩnh lại, nếu có biến đổi chỉ biến đổi về lượng.

-Nguyên nhân của sự biến đổi nằm ở bên ngoài sv, ht.

-Ý nghĩa: Có tác dụng nhất định trong một phạm vi nào đó.

\*Phương pháp biện chứng.

-Nhận thức sv, ht trong mối quan hệ quy định ràng buộc, tác động qua lại lẫn nhau, vừa thấy được bộ phận vừa thấy được toàn thể.

-Nhận thức sv, ht ở trạng thái vận động, biến đổi, nằm trong khuynh hướng chung là phát triển, đó là sự thay đổi về chất.

-Nguyên nhân của sự biến đổi nằm ở trong sv, ht. Đó là quá trình đấu tranh giữa các mặt đối lập để giả quết mâu thẫn nội tại của chúng.

-Ý nghĩa: Là công cụ hữu hiệu để giúp con người nhận thức cà cải tạo.

Câu 10: Tại sao ý thức xã hội thường lạc hậu hơn so với tồn tại xã hội? Cho ví dụ chứng minh?

\*Định nghĩa: TTXH & YTXH

-Khái niệm tồn tại xã hội là phương diện sinh hoạt vật chất & những điều kiện sinh hoạt vật chất trong XH.

-Khái niệm ý thức xã hội: là phương diện sinh hoạt tinh thần của xã hội ( bao gồm quan điểm, tư tưởng, tình cảm, ...) nảy sinh trong xã hội và phản ánh tồn tại xã hội trong giai đoạn phát triển nhất định.

\*Ý Thức Xã Hội Thường Lạc Hậu Hơn Tồn Tại Xã Hội Vì:

-Ý Thức Xã Hội Là Cái Phản ánh Tồn Tại Xã Hội Nên Nó Có Sao Tồn Tại Xã Hội.

-Do sức mạnh của phong tục tập quán, truyền thống cũng như tính bảo thủ của một số hình thái ytxh, mặt khác ttxh có tính biến đổi nhanh, ytxh không phản ánh kịp thời.

-YTXH luân gắn liền với lợi ích của những giai cấp nhất định. Vì vậy những tư tưởng lạc hậu thường được một số LLXH lưu trữ và truyền bá nhằm chống lại những LLXH tiến bộ.

\*Ví Dụ: Một số vùng quê ở việt nam tuy có điều kiện kt phát triển nhưng vẫn có phong tục, tập quán lạc hậu như tảo hôn,...

**Câu 6 điểm**

**Câu 1: Vấn đề cơ bản của triết học là gì? Phân tích nội dung vấn đề cơ bản của triết học?**

\*Khái niệm: Theo Ăngghen , vấn đề cơ bản của triết học ,đặc biệt là triết học hiện đại ,là mối quan hệ giữa tư duy và tồn tại (hay còn được biết tới là mối quan hệ giữa ý thức và vật chất).

-Nội dung vấn đề cơ bản của triết học: vấn đề cơ bản của triết học gồm 2 mặt:

+Mặt thứ nhất trả lời cho câu hỏi ‘’vật chất và ý thức ,cái nào có trước, cái nào có sáu,cái nào quyết định cái nào?’’Để trả lời cho câu hỏi này có 3 cách .Chủ nghĩa duy vật cho rằng vật chất là cái có trước và quyết định ý thức. Ngược lại,chủ nghĩa duy tâm lại cho rằng, ý thức có trước, ý thức quyết định vật chất. Các nhà triết học theo trường phái nhị nguyên lại cho rằng vật chất và ý thức là  tồn tại độc lập , không nằm trong mối quan hệ quyết định lẫn nhau.

+Mặt thứ hai trả lời cho câu hỏi ‘’con người có khả năng nhận thức được thế giới hay không ?’’ .Câu hỏi này có 2 cách trả lời .Các nhà triết học cho rằng khả tri cho rằng con người hoàn toàn có khả năng nhận thức được thế giới, trong khi các nhà triết học bất khả tri lại cho rằng con người không có khả năng nhận thức được thế giới, hoặc chỉ có thể nhận biết được hiện tượng bên ngoài mà không thể nắm được bản chất bên trong.

\*Tại Sao:

-Đây là vấn đề rộng nhất, chung nhất. Đóng vai trò là nền tảng, định hướng để giải quyết các vấn đề khác.

-Các trường phái triết học đều trực tiếp/ gián tiếp đi vào giả thích về mối quan hệ giữa tư duy và tồn tại hay giữa vật chất và ý thức trước khi đi vào quyết định của mình.

-Việc quết định mối quan hệ giữa vật chất và ý thức là cơ sở xuất phát cho các quyế định triết học nảy sinh.

-Việc quyết định vấn đề cơ bản của triết học là tính chất khách quan khoa học để phá định lập trường tư tưởng triết học của các nhà triết học trong lịch sử.

**Câu2. Tại sao nói triết học Mác ra đời là một tất yếu lịch sử?**

\* Điều kinh tế -xã hội : chủ nghĩa mác ra đời vào những năm 40 của thế kỷ 19, đây là thời kì phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa ở các nước tây âu phát triển dẫn tới mâu thuẫn sâu sắc giữa lực lượng sản xuất và quan hệ xã hội và hàng loạt cuộc đấu tranh nổ ra ở châu âu.Đó Là Bằng Chứng lịch sử thể hiện giai cấp vô sản đã trở thành lực lượng tiên phong trong đấu tranh cho nền dân chủ, công bằng xã hội. Thực tiễn cách mạng của giai cấp vô sản đã đặt ra yêu cầu khách quan là nó phải được soi sáng bằng lý luận khoa học. Chủ nghĩa mác ra đời nhằm đáp ứng nhu cầu khách quan đó.

\*Tiền đề lý luận:

-Triết học cổ điển đức: (L.Phobach và G.W.Ph.Heghen) mác thừa kế phép biện chứng của Heghen trên cơ sở có lọc bỏ các yếu tố duy tâm thần bí để xây dựng phép biện chứng duy vật, đồng thời thừa kế các quan điểm duy vật tiến bộ của Phobach.

-Kinh tế-chính trị cổ điển anh (adam smith và David ricardo). Mác Thừa Kế các quan điểm kinh tế tiến bộ, đặc biệt là học thuyết về giá trị của adam smith và David ricardo để làm cơ sở xây dựng các quan điểm duy vật về lịch sử , xã hội.

-Chủ nghĩa xã hội không tưởng anh và pháp: mác thừa kế các tư tưởng tiến bộ về xã hội của saint simon và charles fourier để biến chủ nghĩa xã hội không tưởng thành chủ nghĩa xã hội khoa học

\*Tiền đề khoa học tự nhiên: Đây là tiền đề để xây dựng và củng cố hệ thống tư tưởng duy vật: Định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng ,học thuyết tế bào và học thuyết tiến hóa.

\*Kết luận:

Như vậy, triết học Mác cũng như toàn bộ chủ nghĩa Mác đã ra đời như một điều tất yếu của lịch sử không những vì nó phản ánh thực tiễn xã hội, nhất là thực tiễn cách mạng của giai cấp công nhân mà còn là sự phát triển hợp logic của lịch sử tư tưởng nhân loại.

**Câu3**: **Phân tích định nghĩa vật chất của Lênin và rút ra ý nghĩa khoa học của định nghĩa?**

\*Các quan điểm trước mác về vật chất

-Thời cổ đại: đây là thời khoa học kỹ thuật chưa phát triển, nhận thức con người còn hạn chế, cho nên các nhà triết học nhận thức về thế giới 1 cách trực quan cảm tính. Họ đồng nhất vật chất với nước, lửa, không khí,‘’nguyên tử’’.

-Vào thế kỉ 17,18: Đây là thời kì cơ học cổ điển của newton thịnh hành phát triển, các nhà triết học đề cao vai trò của khối lượng, nên họ đồng nhất vật chất với khối lượng.

\*Hoàn cảnh ra đời của định nghĩa:

-Cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX với những phát minh mới trong khoa học tự nhiên, con người có những hiểu biết sâu sắc hơn về nguyên tử: + 1895: Roentgen phát hiện ra tia X  
+ 1896: Becquerel phát hiện ra hiện tượng phóng xạ.  
+ 1897: Thomson phát hiện ra điện tử và cấu tạo của nguyên tử  
+ 1901: Kaufman chứng minh khối lượng của nguyên tử không ổn định.  
-> Cuộc khủng hoảng về thế giới quan trong lĩnh vực nghiên cứu Vật Lý học.  
-> Chủ nghĩa duy tâm xuyên tạc rằng vật chất bị tiêu tan chỉ còn ý thức, duy vật mất đi chỉ còn duy tâm.  
-> Triết học duy vật lúc này cần phải đưa ra được một quan niệm đúng đắn, khoa học về phạm trù vật chất.

\*Định nghĩa vật chất của lênin:

-Vật chất là 1 phạm trù triết học để chỉ thực tại khách quan được đem lại cho con người trong cảm giác, được cảm giác của chúng ta chép lại, chụp lại, phản ánh và tồn tại không phụ thuộc vào cảm giác.

\*Phân tích định nghĩa:

-Vật chất là 1 phạm trù triết học: là vật chất được nhận thức dưới góc độ triết học chứ không phải các nhà khoa học cụ thể. Hơn nữa, đây là nhận thức dưới hình thức phạm trù, nghĩa là chỉ ra cái đặc trưng, những thuộc tính căn bản phổ biến của vật chất.

-Vật chất chỉ thực tại khách quan: là tất cả những gì tồn tại bên ngoài độc lập ý thức con người, dù con người nhận thức được hoặc chưa nhận thức được.

-Vật chất là cái gây nên cảm giác ở con người khi gián tiếp hay trực tiếp tác động lên giác quan của con người, ý thức của con người là sự phản ánh đối với vật chất, còn vật chất là cái được ý thức phản ánh.

\*Ý nghĩa của định nghĩa:

-Giải quyết triệt để 2 mặt trong vấn đề cơ bản của triết học trên lập trường duy vật biện chứng.

-Khắc phục được hạn chế trong quan niệm về vật chất của chủ nghĩa duy vật siêu hình.

-Cung cấp căn cứ nhận thức khoa học để xác định những gì thuộc về vật chất và những gì không là vật chất, tạo lập cơ sở lý luận cho việc xây dựng quan điểm duy vật về lịch sử, khắc phục được những hạn chế duy tâm trong quan niệm về xã hội.

**Câu 4: Tại sao vận động là phương thức tồn tại của vật chất?**

\*Quan điểm CNDVSH về vận động: Coi nguồn gốc của vận động nằm ở bên ngoài sv, ht ( cô Xuân bảo ghi thế là đc nhớ:v)

VD: do thần linh,...

\*Quan điểm CNDVBC về vận động:

-Định nghĩa : Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, vận động là mọi sự biến đổi nói chung. Ph.Ăngghen viết: “Vận động, hiểu theo nghĩa chung nhất, tức được hiểu là một phương thức tồn tại của vật chất, là một thuộc tính cố hữu của vật chất, thì bao gồm tất cả mọi sự thay đổi và mọi quá trình diễn ra trong vũ trụ, kể từ sự thay đổi vị trí đơn giản cho đến tư duy”.

-Bản chất vận động

+Vận động là phương thức tồn tại của vật chất, là thuộc tính cố hữu của vật chất => thông qua vận động, vật chất biểu hiện sự tồn tại của mình, vận động là tự thân vận động của vật chất

+Vận động có nguồn gốc từ bên trong nội tại của sự vật, hiện tượng, sự tồn tại của vật chất luôn gắn liền với vận động, không có vật chất không vận động, không có vận động ngoài vật chất.

-Các hình thức vận động của vật chất (5 hình thức. Quan hệ giữa các hình thức)

+Vận động cơ học: là sự dịch chuyển vị trí của các vật thể trong không gian.

+Vận động vật lý: là các quá trình quang, nhiệt, điện, sự vận động của các điện tử, nguyên tử,...

+Vận động hóa học: là quá trình phân tích tổng hợp của cách chất vô cơ, hữu cơ.

+Vận động sinh học: là quá trình trao đổi chất giữa cơ thể sống và môi trường.

+ Vận động xã hội: là quá trình biến đổi các mặt của xã hội, sự thay thế các hình thái kinh tế xã hội.

-Mối quan hệ giữa các hình thức vận động của vật chất:

+ Các hình thức vận động nói trên khác nhau về chất

+ Các hình thức vận động cao xuất hiện trên cơ sở các hình thức vận động thấp, bao hàm trong nó tất cả các hình thức vận động thấp hơn

+Trong sự tồn tại của mình, mối sự vật có thể gắn liền với nhiều hình thức vận động khác nhau. Tuy nhiên bản thân sự tồn tại của sự vật đó bao giờ cũng đặc trưng bằng một hình thức vận động cơ bản

-Đứng im

+Khái niệm: Đứng im là trạng thái đặc biệt của vận động, đó là vận động trong thế cân bằng, ổn định của sự vật/ vận động chưa làm thay đổi căn bản về chất, về vị trí, hình dáng, kết cấu của sự vật

+Đứng im là tương đối, vận động là tuyệt đối.

+Chỉ xảy ra trong một mối quan hệ nhất định, chứ không phải trong mọi mối quan hệ cùng lúc

+Chỉ xảy ra đối với một hình thái vận động trong một lúc nào đó, chứ không phải với mọi hình thái vận động trong cùng một lúc

+ theo triết học Mác-Lênin, vận động và đứng im không đối lập tuyệt đối.

**Câu 5. Phân tích quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng về nguồn gốc và bản chất của ý thức?**

\*Nguồn gốc của tự nhiên:

-Bộ não người và ý thức: ý thức là thuộc tính của 1 dạng vật chất có tổ chức cao là bộ não người, là chức năng của bộ óc, là kết quả hoạt động sinh lý thần kinh của bộ óc.

-Phản ánh: là thuộc tính chung với mọi dạng vật chất phản ánh là sự tái tạo những đặc điểm của dạng vật chất này lên dạng vật chất khác, có 3 hình thức phản ánh:

+Phản ánh lý hóa là đặc trưng cho các dạng vật chất vô sinh.

+Phản ánh sinh vật đặc trưng cho các dạng vật chất hữu sinh, được thể hiện thông qua 3 trình độ cơ bản: tính kích thích, tính cảm ứng và tính tâm lý.

+Phản ánh ý thức: hình thức đặc trưng riêng chỉ có ở con người, ý thức là 1 sự phản ánh của 1 dạng vật chất có tổ chức cao vào trong bộ não con người. Ý thức phản ánh thế giới vật chất vào bộ não người 1 cách năng động, sáng tạo.

-Do đó, bộ não người, cùng với thế giới bên ngoài tác động của bộ não người, đó là nguồn gốc tự nhiên của ý thức.

\*Nguồn gốc xã hội:

-Thông qua các quá trình lao động, sản xuất, bô não con người dần hoàn thiện, khả năng phản ánh ngày càng phát triển, đồng thời thông qua các quá trình lao động, ngôn ngữ được hình thành.

-Ngôn ngữ là phương thức để truyền tải thông tin, lưu giữ thông tin. Đặc Biệt, ngôn ngữ có khả năng khái quát hóa các tri thức của con người. Nếu không có ngôn ngữ thì không có ý thức.

=> Do đó, nguồn gốc trực tiếp quyết định sự hình thành của ý thức là quá trình lao động, sản xuất và hoạt động thực tiễn của con người. Đó Chính Là nguồn gốc xã hội của ý thức.

\*Bản chất của ý thức: ý thức là phản ánh có tính chất năng động, sáng tạo của bộ óc con người về thế giới khách quan, là hình ảnh chủ quan của thế giới khách quan.

-Tính chất năng động, sáng tạo của sự phản ánh ý thức: thể hiện khả năng hoạt động tâm sinh lý của con người trong việc người tiếp nhận, chọn lọc, xử lý, lưu giữ thông tin. Trên cơ sở những cái đã có, ý thức có khả năng tạo ra tri thức mới, tưởng tượng ra cái không có thực trong thực tế, tiên đoán và dự báo tương lai…

-Ý thức là hình ảnh chủ quan về thế giới khách quan: ý thức là hình ảnh về thế giới khách quan quyết định cả về hình thức và nội dung, sống nó không còn y nguyên như thế giới khách quan. Theo mác, ý thức chẳng qua chỉ là vật chất được đem chuyển vào trong bộ não người và được bộ não cải biến đi ở trong đó.

-Ý thức là 1 hiện tượng xã hội và mang bản chất xã hội: sự ra đời và tồn tại của ý thức gắn liền với hoạt động thực tiễn, chịu sự chi phối của các quy luật tự nhiên, xã hội. Với tính năng động, ý thức sáng tạo lại thực hiện theo nhu cầu của thực tiễn.

**Câu 6: Phân tích cơ sở lý luận của Nguyên tắc Toàn diện ? ĐCSVN đã vận dụng nguyên tắc này như thế nào trong thời kỳ đổi mới?**

\*Nguyên tắc toàn diện của tư duy xuất phát từ cơ sở khách quan là mối liên hệ phổ biến của sự vật. Angghen đã chỉ ra: “ Khi chúng ta dùng tư duy để xem xét tự nhiên, lịch sử loài người, hay hoạt động tinh thần của bản thân chung ta thì trước nhất, chúng ta lấy một bức tranh về sự chằng chịt vô tận cảu những mối liên hệ và nhứng sự tác động qua lại.”

\*Cơ sở lý luận:

-Mối liên hệ dùng để chỉ sự quyết định sự tác động , chuyển hóa lẫn nhau giữa các sự vật hiện tượng hay giữa các mặt, các yếu tố của mỗi sinh vật, hiện tượng trong thế giới.

-Mối liên hệ phổ biến dùng để chỉ tính phổ biến của các mối liên hệ của các sự vật hiện tượng của thế giới , đồng thời cũng dùng để chỉ các mối liên hệ tồn tại ở với mọi sinh vật hiện tượng của thế giới. Đó là các mối liên hệ giữa các mặt đối lập, chất và lượng, khẳng định và phủ định,…

\*Tích chất của các mối liên hệ:

-Tính khách quan : với mọi mối liên hệ của các sự vật , hiện tượng là khách quan , là cái vốn có của sự vật hiện tượng, con người chỉ nhận thức và vận dụng các mối liên hệ đó trong hoạt động thực tiễn của mình.

-Tính phổ biến: mối liên hệ mang tính phổ biến thể hiện:

+Bất cứ sự vật nào cũng liên hệ với sự vật hiện tượng khác

+Bất cứ sự vật hiện tượng nào cũng bao gồm những yếu tố cấu thành những mối liên hệ bên trong của nó.

-Tính đa dạng, phong phú: sự vật, hiện tượng hay quá trình khác nhau đều có mối liên hệ khác nhau, giữa vị trí, vai trò khác nhau đối với sự tồn tại và phát triển của nó. Mặt khác, cùng là 1 mối liên hệ nhất định, ở những gia đình khác nhau thì cũng có những tính chất vai trò khác nhau.

\*Sự vận dụng của đảng:

-Đổi mới toàn diện

-Xác định khâu then chốt tập trung giải quyết tạo tiền đề cho sự phát triển

**Câu 7: Phân tích cơ sở lý luận của Nguyên tắc Phát triển? ĐCSVN đã vận dụng nguyên tắc này như thế nào trong thời kỳ đổi mới?**

\*Cơ sở lý luận của quan điểm phát triển chính là nội dung nguyên lý về sự phát triển. Mọi sự vật, hiện tượng đều có mối liên hệ với nhau, đó cũng là nguyên nhân làm cho mọi sự vật, hiện tượng đều vận động, biến đổi và phát triển. Lênin đã nói rằng: “phép biện chứng là lý luận về sự tiến hóa dưới hình thức hoàn bị nhất, sâu sắc nhất và không phiến diện nhất”.

\*Nội dung nguyên lý về sự phát triển:

-Khái niệm sự phát triển:

+Quan điểm siêu hình cho rằng: phát triển chỉ là sự tang giảm đơn thuần về mặt số lượng, không có sự thay đổi về chất của sự vật, đồng thời, coi sư phát triển là quá trình tiến lên liên tục, không trải qua những bước quanh co phức tạp.

+Quan điểm duy vật biện chứng: khái niệm phát triển dùng đê chỉ quá trình vận động của sự vật theo khuynh hướng đi lên: từ trình độ thấp đến trình độ cao, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện hơn.

-Tính chất cơ bản của sự phát triển:

+Tính khách quan của sự phát triển biểu hiện trong nguồn gốc của sự vận động và phát triển. Đó là quá trình bắt nguồn từ bản than sự vật, hiện tượng; là quá trình giải quyết mâu thuẫn của sự vật, hiện tượng đó.

+Tính phổ biến của sự phát triển được thể hiện ở các quá trình phát triển diễn ra ở mọi lĩnh vực tự nhiên, xã hôi, tư duy; trong tất cả mọi sự vật, hiện tượng và trong mọi quá trình, mọi giai đoạn của sự vật hiện tượng đó.

+Tính phong phú, đa dạng của phát triển: Mỗi sự vật, hiện tượng có quá trình phát triển khác nhau. Tồn tại ở không gian, thời gian khác nhau, sự vật phát

\*Sự vận dụng của đảng:

-Thực tiễn khách quan đòi hỏi cần phải đổi mới để phát triển đất nước.

-Đổi mới trên mọi lĩnh vực kinh tế, chính trị,...

-Thành quả đổi mới.

**Câu 8: Phân tích nội dung cơ bản của cặp phạm trù cái chung và cái riêng? Ý nghĩa phương pháp luận của việc nghiên cứu cặp phạm trù này?**

\*Các khái niệm:

- Cái chung là một phạm trù triết học, dùng để chỉ những mặt, những thuộc tính chung không những có ở một kết cấu vật chất nhất định mà còn được lặp lại trong nhiều sự vật, hiện tượng riêng lẻ khác.

- Cái riêng là một phạm trù triết học dùng để chỉ sự vật, hiện tượng hay một quá trình riêng lẻ nhất định.

- Cái đơn nhất là một phạm trù dùng để chỉ những nét, những mặt, những thuộc tính... chỉ tồn tại ở một sự vật, hiện tượng nào đó mà không lặp lại ở các sự vật, hiện tượng khác.

*Ví dụ: mỗi con người là một cái riêng, những thuộc tính tự nhiên và xã hội khiến cho con người khác với động vật giữ vai trò là cái chung của tất cả mọi người với tư cách người, nhưng mặt khác, ở mỗi con người lại có những thuộc tính không lặp lại ở nhau như: cấu tạo gen, nhân cách, năng lực,… cụ thể khác nhau.*

\*Mối quan hệ biện chứng giữa cái chung và cái riêng: cái chung, cái riêng và cái đơn nhất đều tồn tại khách quan và có mối quan hệ hữu cơ với nhau.Mối quan hệ đó thể hiện qua các điểm sau:

- Thứ nhất, cái chung chỉ tồn tại trong cái riêng, thông qua các cái riêng mà biểu hiện sự tồn tại của mình. Không có cái chung thuần túy tồn tại bên ngoài cái riêng.

*Ví dụ, trên cơ sở khảo sát tình hình hoạt động cụ thể của một số doanh nghiệp có thể rút ra kết luận về tình trạng chung của các doanh nghiệp trong nền kinh tế.*

- Thứ 2, cái riêng chỉ tồn tại trong quan hệ với cái chung, không có cái riêng nào tồn tại độc lập, tách rời tuyệt đối cái chung.

*Ví dụ, không có doanh nghiệp nào tồn tại với tư cách doanh nghiệp mà lại không tuân theo các quy tắc chung của thị trường (ví dụ quy tắc cạnh tranh…). Nếu doanh nghiệp nào đó bất chấp các nguyên tắc chung đó thì nó không thể tồn tại trong nền kinh tế thị trường.*

- Thứ ba, cái riêng là cái toàn bộ, phong phú hơn cái chung, vì ngoài những điểm chung, cái riêng còn có cái đơn nhất.

- Thứ tư, cái chung sâu sắc hơn cái riêng, vì cái chung phản ánh thuộc tính,những mối liên hệ ổn định, tất nhiên lặp lại ở nhiều cái riêng cùng loại. Do vậy, cái chung là cái gắn liền với bản chất, quy định phương hướng tồn tại và phát triển của cái riêng.

*Ví dụ, khi vận dụng những nguyên lý chung của khoa học vào việc giải quyết mỗi vấn đề riêng cần phải xét đến những điểu kiện lịch sử, cụ thể tạo nên cái đơn nhất (đặc thù) của nó. Cần tránh thái độ chung chung, trừu tượng khi giải quyết mỗi vấn đề riêng.*

- Cái đơn nhất và cái chung có thể chuyển hóa lẫn nhau trong quá trình phát triển của sự vật:

*Ví dụ, một sáng kiến khi mới ra đời – nó là cái đơn nhất. Với mục đích nhân rộng sáng kiến đó áp dụng trong thực tiễn phát triển kinh tế – xã hội, có thể thông qua các tổ chức trao đổi, học tập để phổ biến sáng kiến đó thành cái chung, cái phổ biến – khi đó cái đơn nhất đã trở thành cái chung…*

\*Ý nghĩa của phương pháp luận:

- Muốn biết được cái chung, cái bản chất thì phải xuất phát từ cái riêng, từ những sự vật, hiện tượng riêng lẻ.

- Nhiệm vụ của nhận thức là phải tìm ra cái chung và trong hoạt động thực tiễn phải dựa vào cái chung để cải tạo cái riêng. Mặt khác phải cụ thể hóa cái chung trong mỗi hoàn cảnh cụ thể.

- Trong hoạt động thực tiễn, nếu thấy sự chuyển hóa nào có lợi thì ta cần chủ động tác động vào để nó nhanh chóng trở thành hiện thực.

**Câu 9: Phân tích nội dung cơ bản của cặp phạm trù Nguyên nhân và Kết quả? Ý nghĩa phương pháp luận của việc nghiên cứu cặp phạm trù này?**

\*Khái niệm:

-Nguyên nhân: phạm trù chỉ là sự tác động lẫn nhau giữa các mặt trong 1 sự vật hoặc giữa các sự vật với nhau gây ra 1 biến đổi nhất định nào đó.

-Kết quả: là những biến đổi do tác động lẫn nhau giữa các mặt trong 1 sự vật hoặc giữa các sự vật với nhau gây ra.

Ví dụ: sự tác động của dòng điện lên dây dẫn (nguyên nhân) khiến cho dây dẫn nóng lên (kết quả)

\*Tính chất của mối quan hệ nhân quả:

-Tính khách quan: mối liên hệ nhân quả là cái vốn có của bản thân sự vật, không tồn tại ý thức con người.

-Tính phổ biến: với mọi sự vật hiện tượng trong tự nhiên và xã hội đều có nguyên nhân nhất định gây ra, dù nguyên nhân đó đã được nhận thức hay chưa.

-Tính tất yếu: với 1 nguyên nhân nhất định, trong những điều kiện nhất định sẽ gây ra kết quả tương ứng với nó.

\*Mối quan hệ biện chứng:

Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng, nguyên nhân và kết quả có mối quan hệ qua lại như sau:

-Nguyên nhân sản sinh ra kết quả: Nguyên nhân là cái sinh ra kết quả, nên nguyên nhân luôn có trước kết quả. Tuy nhiên, không phải mọi sự nối tiếp nhau nào về mặt thời gian cũng là mối liên hệ nhân quả. Trong thực tế, mối liên hệ nhân quả diễn ra rất phức tạp:

+ Một nguyên nhân có thể sinh ra nhiều kết quả

+ Một kết quả có thể do nhiều nguyên nhân sinh ra. Nếu những nguyên nhân tác động cùng chiều có thể dẫn đến hình thành kết quả nhanh chóng. Nếu những nguyên nhân tác động ngược chiều thì có thể hạn chế hoặc triệt tiêu việc hình thành kết quả.

-Kết quả tác động trở lại nguyên nhân theo hai hướng: thúc đẩy sự vận động của nguyên nhân (hướng tích cưc) hoặc cản trở sự vận động của nguyên nhân (hướng tiêu cực)

-Nguyên nhân và kết quả có thể thay đổi vị trí cho nhau. Một sự vật hiện tượng nào đó trong mối liên hệ này là nguyên nhân, nhưng trong mối liên hệ khác lại là kết quả và ngược lại. Chuỗi nhân quả là vô cùng, không có bắt đầu và kết thúc. Một hiện tượng được xem là nguyên nhân hay kết quả bao giờ cũng ở trong một quan hệ xác định cụ thể,

Vd: hoạt động của con người là một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn tới sự biến đổi của môi trường sống trên trái đất, song chính những biến đổi theo chiều hướng không tốt hiện của môi trường lại trở thành nguyên nhân tác động trở lại theo chiều hướng bất thuận lợi cho hoạt động sống của con người.

\*Ý nghĩa của phương pháp luận:

-Trong hoạt động nhận thức và thực tiễn, phải bắt đầu từ việc đi tìm những nguyên nhân xuất hiện sự vật hiện tượng.

-Cần phải phân loại các nguyên nhân để có biện pháp giải quyết đúng đắn.

-Phải tận dụng các kết quả đã đạt được để tạo điều kiện thúc đẩy nguyên nhân phát huy tác dụng, nhằm mục tính đã đề ra.

**Câu 10:  Phân tích nội dung quy luật từ những sự thay đổi về lượng dẫn đến những thay đổi về chất và ngược lại? Ý nghĩa phương pháp luận của việc nghiên cứu quy luật này?**

\*Các khái niệm:

-Chất: là phạm trù triết học dùng để chỉ tính quyết định khách quan vốn có của sự vật hiện tượng là thống nhất hữu cơ các thuộc tính cấu thành có, phân biệt nó với các khác.

-Lượng: là phạm trù triết học dùng để chỉ tính quyết định khách quan vốn có của sự vật về các phương diện, số lượng các yếu tố cấu thành, quy mô của sự tồn tại, tốc độ, nhịp điệu của các quá trình vận động và phát triển của sự vật.

-Thuộc tính: chỉ những đặc điểm, tính chất của sự vật.

-Độ: là phạm trù triết học dùng để chỉ khoảng giới hạn mà trong đó có sự thay đổi về lượng chưa làm thay đổi căn bản, bản chất của sự vật, hiện tượng.

-Điểm nút: là thời điểm mà tại đó diễn ra sự thay đổi về chất.

-Bước nhảy: là sự chuyển hóa trong quá trình của sự vật, hiện tượng chất cũ mất đi mà chất mới ra đời.

\*Mối quan hệ giữa chất và lượng:

-Lượng biến đổi dần dần dẫn đến sự thay đổi về chất: lượng thay đổi dần dần => vượt qua giới hạn quá độ => tại điểm nút dẫn đến làm chất cũ mất đi, chất mới ra đời, chất mới ra đời sẽ quyết định 1 lượng mới => Lượng mới tích lũy vượt mức giới hạn độ đến tại điểm nút đến chất mới… quá trình này diễn ra liên tục, tạo thành phương thức cơ bản, phổ biến của các quá trình vận động, phát triển trong tự nhiên, xã hội và tư duy.

-Khi chất mới ra đời lại có sự tác động trở lại lượng của sự vật: chất mới ra đời sẽ quyết định 1 lượng mới biểu hiện trên phương diện làm thay đổi kết cấu, quy mô, trình độ, nhịp điệu vận động và phát triển của sự vật, làm thay đổi giới hạn độ, điểm nút, tạo ra những biến đổi mới và lượng của sự vật.

\*Ý nghĩa của phương pháp luận:

-Sự vận động và phát triển của sự vật bao giờ cũng diễn ra bằng cách tích lũy dần đân về lượng đến một giới hạn nhất định thực hiện bước nhảy chuyển hóa về chất do đó tron hoạt động thực tiễn về nhận thức chúng ta từng bước tích lũy về lượng để làm biến đổi về chất theo quy luật tránh tư tưởng chủ quan nóng vội đốt cháy giai đoạn.

-Phải nhận thức đúng đắn mối quan hệ biện chứng giữa sự thay đổi về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất và ngược lại tránh tư tưởng tả khuynh và hữu khuynh.

-Cần có thái độ khách quan khoa học và quyết tâm thực hiện các bước nhảy khi có đầy đủ các điều kiện.

**Câu 11:  Phân tích nội dung quy luật thống nhất và đấu tranh các mặt đối lập ? Ý nghĩa phương pháp luận của việc nghiên cứu quy luật này?**

\* Các khái niệm của quy luật:

- Mặt đối lập: là những mặt, những thuộc tính,  khuynh hướng trái ngược nhau tồn tại khách quan trong tự nhiên, xã hội và tư duy.

-Thống nhất mặt đối lập: dùng để chỉ sự liên  hệ, ràng buộc, không tách rời nhau, quy định lẫn nhau của các  mặt đối lập, mặt này lấy mặt kia làm tiền đề để tồn tại.

-Đấu tranh mặt đối lập: dùng để chỉ khuynh  hướng tác động qua lại, bài trừ, phủ định lẫn nhau của các mặt  đối lập.

- Mâu thuẫn: để chỉ mối liên hệ thống nhất, đấu tranh  và chuyển hóa giữa các mặt đối lập của mỗi sự vật, hiện tượng

-Các tính chất chung của mâu thuẫn:

- Tính khách quan: mâu thuẫn là cái vốn có trong sự vật, hiện tượng, là bản chất chung của mọi sự vật, hiện tượng.

-Tính phổ biến:

- Tính đa dạng, phong phú: thể hiện ở chỗ, mỗi sự vật, hiện tượng, quá trình bao hàm nhiều loại mâu thuẫn khác  nhau.

\*Mâu thuẫn là nguồn gốc động lực bên trong của sự phát triển:

-Mâu thuẫn bao gồm sự thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập.

-Sự ĐTGCMĐL làm sv, ht không thể giữ nguyên trạng thái cũ.

-Làm MT cũ mất đi, MT mới hình thành. Sv, ht cũ thay thế bằng sv, ht mới, tạo nên sự vận động, phát triển vô tận của thế giới khách quan.

\*Ý nghĩa phương pháp luận:

- Trong hoạt động thực tiễn và nhận thức phải tôn trọng mâu  thuẫn, phân tích đầy đủ các mặt đối lập, nắm được bản chất,  khuynh hướng của sự vận động, phát triển.

- Phân loại mâu thuẫn, phân tích cụ thể từng loại mâu thuẫn để có phương pháp giải quyết phù hợp.

**Câu 12: Thực tiễn là gì? Phân tích vai trò của thực tiễn đối với quá trình nhận thức?**

\*Khái niệm: thực tiễn là toàn bộ hoạt động vật chất có mục đích, mang tính lịch sử, xã hội của con người nhằm cải biến tự nhiên và xã hội.

\*Tính chất của hoạt động thực tiễn:

-Là hoạt động có tính cộng đồng xã hội.

-Là hoạt động có tính lịch sử cụ thể.

-Là hoạt động có tính sáng tạo, có mục đích cải tạo tự nhiên, hoàn thiện con người.

\*3 hình thức cơ bản của thực tiễn:

-Hoạt động sản xuất vật chất: quá trình của con người sử dụng công cụ lao động tác động vào tự nhiên, tạo ra của cải vật chất cho xã hội ( ví dụ:dùng cuốc đi cuốc đất trồng cây vải, trồng mít,…)

-Hoạt động chính trị- xã hội: là hoạt động của các cộng đồng người, các tổ chức khác nhau trong xã hội nhằm cải biến những quan hệ chính trị-xã hội để thúc đẩy xã hội phát triển. ( ví dụ: đoàn thanh niên, hội sinh viên)

-Hoạt động thực nghiệm: khoa học là một hình thức đặc biệt của thực tiễn, được tiến hành trong những điều kiện do con người tạo ra, gần giống, giống hoặc lặp lại những trạng thái của tự nhiên và xã hội nhằm xác định những quy luật biến đổi, phát triển của đối tượng nghiên cứu. Dạng hoạt động này có vai trò trong sự phát triển của xã hội, đặc biệt là trong thời kỳ cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại.

\*Vai trò của thực tiễn đối với nhận thức:

a,Thực tiễn là cơ sở, động lực của nhận thức:

-Đối tượng nhận thức là thế giới khách quan, nhưng nó không tự bộc lộ các thuộc tính, nó chỉ hoạt động khi con người tác động vào bằng hoạt động thực tiễn, tức là thực tiễn phải là điểm xuất phát, cơ sở trực tiếp hình thành nên quá trình nhận thức.

-Thế giới khách quan luôn vận động, để nhận thức kịp tiến trình vận động của nó, con người bắt buộc phải thông qua hoạt động thực tiễn.

b,Thực tiễn là mục đích của nhận thức:

-Những tri thức con người đạt được trong quá trình nhận thức phải áp dụng vào hiện thực và cải tạo hiện thực, sự áp dụng đó thông qua thực tiễn. Đó là sự vật chất hóa những quy luật, tính tất yếu đã nhận thức được. Do đó, thực tiễn là mục đích chung của các ngành khoa học.

c,Thực tiễn là tiêu chuẩn của nhận thức:

-Những tri thức mới, thông qua nhận thức con người có được, để kiểm tra tính đúng đắn của nó, phải dựa vào thực tiễn. Thực tiễn chính là thước đo giá trị những tri thức mới đó, đồng thời thực tiễn bổ sung, điều chỉnh,sửa chữa, phát triển và hoàn thiện nhận thức.

\*Ý nghĩa:

-Coi trọng tổng kết thực tiễn.

-Chống bệnh giáo điều, chủ quan, duy ý chí.

**Câu 13: Lênin viết: “Từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng và từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn đó là con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý, nhận thức thực tại khách quan”. Anh (chị) phân tích luận điểm trên và rút ra ý nghĩa của nó?**

Các giai đoạn của nhận thức:

\*Nhận thức cảm tính (nhận thức trực tiếp/ trực quan sinh động), bao gồm:

-Cảm giác: là hình ảnh 1 vài thuộc tính sơ khai, đơn lẻ của đối tượng nhận thức tác động vào giác quan của con người.

-Tri giác: là hình ảnh tương đối toàn vẹn về sự vật, là tổng hợp cảm giác nhưng có hệ thống, đầy đủ, phong phú.

-Biểu tượng: là hình ảnh được con người tái tạo, lưu giữ khi đối tượng nhận thức không còn tác động trực tiếp vào giác quan của con người => là hình thức phản ánh cao nhất trong nhận thức cảm tính.

- Đặc điểm:

+Phản ánh trực tiếp đối tượng bằng các giác quan của chủ thể nhận thức.

+Phản ánh cái bên ngoài.

+Chưa phản ánh được những mặt, những mối liên hệ bản chất, tất yếu bên trong của sv.

\*Nhận thức lý tính (nhận thức gián tiếp/ tư duy trừu tượng), bao gồm:

-Khái niệm: là hình thức cơ bản của tư duy trừu tượng, phản ánh những đặc tính bản chất của sự vật. Sự hình thành khái niệm là kết quả của sự khái quát, tổng hợp biện chứng các đặc điểm, thuộc tính của sự vật hay lớp sự vật. Vì vậy, các khái niệm vừa có tính khách quan vừa có tính chủ quan, vừa có mối quan hệ tác động qua lại với nhau, vừa thường xuyên vận động và phát triển. Khái niệm có vai trò rất quan trọng trong nhận thức bởi vì, nó là cơ sở để hình thành các phán đoán và tư duy khoa học.

-Phán đoán: là hình thức tư duy trừu tượng, liên kết các khái niệm với nhau để khẳng định hay phủ định một đặc điểm, một thuộc tính của đối tượng. Thí dụ: "Dân tộc Việt Nam là một dân tộc anh hùng" là một phán đoán vì có sự liên kết khái niệm "dân tộc Việt Nam" với khái niệm"anh hùng". Theo trình độ phát triển của nhận thức, phán đoán được phân chia làm ba loại là phán đoán đơn nhất (ví dụ: đồng dẫn điện), phán đoán đặc thù (ví dụ: đồng là kim loại) và phán đoán phổ biến (ví dụ: mọi kim loại đều dẫn điện). Ở đây phán đoán phổ biến là hình thức thể hiện sự phản ánh bao quát rộng lớn nhất về đối tượng.

-Suy luận: là hình thức tư duy trừu tượng liên kết các phán đoán lại với nhau để rút ra một phán đoán có tính chất kết luận tìmra tri thứcmới.Thí dụ, nếu liên kết phán đoán "đồng dẫn điện" với phán đoán"đồng là kim loại" ta rút ra được tri thức mới "mọi kim loại đều dẫn điện". Tùy Theo sự kết hợp phán đoán theo trật tự nào giữa phán đoán đơn nhất, đặc thù và phổ biến mà người ta có được hình thức suy luận quy nạp hay diễn dịch.

-Đặc điểm:

+Là quá trình nhận thức gián tiếp đối tượng sv, ht.

+Là quá trình đi sâu vào nghiên cứu bản chất của sv, ht.

+Phản ánh được những mặt, những mối liên hệ bản chất, tất yếu bên trong của sv.

-Mối quan hệ: Ntct và Ntlt không tách rời nhau, luôn có mối qua hệ chặt chẽ, ko có ntct thì ko có ntlt và ngược lại.

\*Ý nghĩa:

-Chống duy cảm, duy lý.

-Xuất phát từ thực tiễn.

**Câu 14: Phân tích nội dung quy luật về sự phù hợp của QHSX với trình độ phát triển của LLSX? Đảng CSVN đã vận dụng quy luật này như thế nào trong thời kỳ đổi mới ?**

\*Các khái niệm:

-Lực lượng sản xuất: là mối quan hệ giữa con người với tự nhiên trong quá trình sản xuất vật chất, là tổng hợp các yếu tố vật chất và tinh thần tạo thành sức mạnh thực tiễn cải biến giới tự nhiên theo nhu cầu sinh tồn và phát triển của con người.

-Kết cấu của lực lượng sản xuất bao gồm:

+Trong các nguyên tố thuộc về người lao động (năng lực, kỹ năng, tri thức,…)

+Các tư liệu sản xuất (đối tượng lao động, công cụ lao động, tư liệu phụ trợ,…)

-Quan hệ sản xuất: là mối quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất vật chất.

-Kết cấu của quan hệ sản xuất:

+Quan hệ sở hữu với tư liệu sản xuất.

+Quan hệ tổ chức, quản lý quá trình sản xuất.

+Quan hệ trong phân phối, kết quả của quá trình sản xuất.

-Trình độ của llsx thể hiện khả năng chinh phục tự nhiên của con người.

\*Nội dung quy luật:

-LLSX quy định QHSX: llsx và qhsx là hai mặt của phương thức sx nhưng trong đó llsx là mặt động, thường xuyên biến dổi, còn qhsx mang tính bảo thủ, trì trệ hơn, thể hiện con người luôn cải tiến công cụ để giảm lao động, thời gian, tăng năng suất, cclđ là yếu tố động nhất trong llsx=> cclđ thay đổi-> qhsx thay đổi và thể hiện sx ngày càng mang tích chất xã hội hóa cao.

-QHSX tác động trở lại LLSX: qhsx giữ vai trò quan trọng đối với sự phát triển của llsx, qhsx là sự phản ánh llsx nhưng chính nó lại quy định mục đích, hệ thống sx và quản lý xã hội. Bởi vậy, nếu qhsx phù hợp với tính chất và trình độ của llsx thì nó sẽ thức đẩy, tạo điều kiện cho llsx phát triển, còn nếu ko phù hợp thì cản trở llsx phát triển.

\*Sự vận dụng của đảng:

-Trước đổi mới đảng ta vận dụng quy luật này ko đúng.

-Khi đổi mới đến nay đảng ta chú trọng phát triển llsx và thay đổi qhsx cho phù hợp với tình hình xây dựng và phát triển đất nước.

**Câu 15 : Phân tích mối quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội. Đảng Cộng Sản Việt Nam đã vận dụng mối quan hệ này như thế nào tr ong thời kỳ đổi mới?**

\*Khái niệm tồn tại xã hội là phương diện sinh hoạt vật chất & những điều kiện sinh hoạt vật chất trong xh.  
- Kết cấu tồn tại xã hội: bao gồm phương thức sản xuất, điều kiện địa lý và dân số. Trong đó PTSX giữ vai trò quyết định

\*Khái niệm ý thức xã hội: là phương diện sinh hoạt tinh thần của xã hội ( bao gồm quan điểm, tư tưởng, tình cảm, ...) nảy sinh trong xã hội và phản ánh tồn tại xã hội trong giai đoạn phát triển nhất định.

- Kết cấu ý thức xã hội:

+ Căn cứ vào lĩnh vực phản ánh: gồm ý thức chính trị, ý thức pháp quyền, ý thức triết học, ý thức đạo đức, ý thức tôn giáo, ý thức nghệ thuật, ý thức khoa học.

+ Căn cứ vào trình độ phản ánh: gồm ý thức XH thông thường và ý thức lý luận

+ Căn cứ vào tính tự phát hay tự giác của qua trình phản ánh, người ta chia thành tâm lý xã hội và hệ tư tưởng xã hội

\*Nội dung quy luật:

- Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội:  
+ Ý thức xã hội chỉ là sự phản ánh tồn tại xã hội và mọi sự thay đổi của ý thức XH đều do tồn tại XH quyết định, khi TTXH thay đổi thì YTXH cũng thay đổi theo.

- YTXH tác động ngược trở lại TTXH theo 2 hướng :  
+ YTXH phản ánh đúng TTXH sẽ thúc đẩy TTXH phát triển.  
+ Ngược lại sẽ kìm hãm sự phát triển TTXH nếu không phù hợp.

-Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội:

Thứ nhất: Ý thức xã hội thường lạc hậu hơn so với tồn tại xã hội:

+Ý thức xã hội thường tồn tại lâu hơn những điều kiện vật chất sinh ra nó.

+Ý thức xã hội thường phát triển chậm hơn tồn tại xã hội. Nó không đáp ứng kịp thời cuộc sống.

Ý thức xã hội lạc hậu hơn tồn tại xã hội bởi các nguyên nhân:

+Ý thức xã hội là cái phản ánh tồn tại xã hội nên nó có sau tồn tại xã hội.

+Do sức mạnh của phong tục, tập quán, truyền thống cũng như do tính bảo thủ của một số hình thái ý thức xã hội. Mặt khác tồn tại xã hội có tính biến đổi nhanh, ý thức xã hội không thể phản ánh kịp.

+Ý thức xã hội luôn gắn với lợi ích của những giai cấp nhất định. Vì vậy, những tư tưởng lạc hậu thường được các lực lượng xã hội phản động lưu giữ và truyền bá nhằm chống lại các lực lượng xã hội tiến bộ.

Thứ hai: Ý thức xã hội có thể vượt trước tồn tại xã hội. Trong những điều kiện nhất định, tư tưởng con người, đặc biệt là các tư tưởng khoa học, tiên tiến có thể vượt trước tồn tại xã hội.

Thứ ba: Ý thức xã hội có tính kế thừa trong sự phát triển. Ý thức xã hội của thời đại sau bao giờ cũng kế thừa ý thức xã hội của thời đại trước. Tính kế thừa đó làm cho lịch sử ý thức được diễn ra liên tục.

Thứ tư: Sự tác động qua lại lẫn nhau giữa các hình thái ý thức xã hội. ý thức xã hội tồn tại dưới nhiều hình thức, giữa chúng có sự tác động qua lại, thúc đẩy hoặc kìm hãm sự phát triển của nhau.

Bên cạnh ảnh hưởng của quyết định chính trị và triết học đối với các hình thái khác, trong mỗi giai đoạn lịch sử lại có một hình thái có vai trò nổi bật riêng.

Thứ năm: Sự tác động trở lại của ý thức xã hội đối với tồn tại xã hội. Nếu ý thức xã hội phản ánh kịp thời và đúng đắn tồn tại xã hội thì sẽ thúc đẩy tồn tại xã hội phát triển và ngược lại.

\*Sự vận dụng của đảng:

- Phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật vật chất của xã hội

- Phát triển đời sống tinh thần xã hội (giáo dục, khoa học, đạo đức, pháp quyền

**Câu 16: Tại sao nói quần chúng nhân dân là lực lượng sáng tạo chân chính ra lịch sử? Phê phán những quan điểm sai lầm về vấn đề này?**

\*Khái niệm quần chúng nhân dân:  
- khái niệm: là bộ phận có cùng chung lợi ích căn bản, bao gồm những thành phần, tầng lớp và các giai cấp, liên kết lại thành một tập thể dưới sự lãnh đạo của một cá nhân, tổ chức hay đảng phái nhằm giải quyết các vấn đề về kinh tế, chính trị, xã hội của một thời đại nhất định.

- Lực lượng cơ bản gồm:  
+ Những người lao động sản xuất ra vật chất và các giá trị tinh thần .

+ Những bộ phận dân cư chống lại giai cấp thống trị áp bức, bóc lột, đối kháng với nhân dân.  
+ Những giai cấp, tầng lớp xã hội thúc đẩy sự tiến bộ của xã hội.

\*Quần chúng nhân dân là chủ thể sáng tạo chân chính ra lịch sử:  
+ Họ là lực lượng sản xuất cơ bản của xã hội.  
VD: Con người không ngừng sản xuất tạo ra các mặt hàng thiết yếu cho cuộc sống như lúa, rau và các loại thực phẩm khác. Ngoài ra, con người ngày càng sáng tạo ra các phát minh tiên tiến giúp cho xã hội loài người ngày càng phát triển.  
+ Họ là những người sáng tạo ra những giá trị văn hóa tinh thần.  
VD: Toàn dân Việt Nam luôn nhớ đến ngày mùng 10/3 âm lịch hàng năm. Nhiều người gần xa tập trung về tỉnh Phú Thọ để viếng thăm và tỏ lòng biết ơn công lao của các vị vua Hùng. Đây là truyền thống "uống nước nhớ nguồn" được giữ gìn bao đời nay đó là giá trị văn hóa tinh thần của nhân dân ta.  
+ Họ là động lực cơ bản của mọi cuộc cách mạng xã hội.  
VD: Chiến tranh toàn dân bảo vệ đất nước thời Tây Sơn được phát triển từ cuộc khởi nghĩa nông dân chống áp bức phong kiến thành cuộc chiến tranh toàn dân bảo vệ Tổ quốc. Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn này chính là cuộc khởi nghĩa của nhân dân, do nhân dân và từ nguyện vọng của nhân dân

\*Phê phán quan điểm sai lầm:  
+ Quan điểm Duy tâm: Tiếp tục đề cao vai trò của các vĩ nhân, coi thường quần chúng nhân dân, coi họ là công cụ, phương tiện để vĩ nhân lập lên chiến tích lịch sử.  
+ Quan điểm Tôn giáo, thần học: Cho rằng mọi sự thay đổi trong lịch sử xh là do ý của đấng tối cao, do mệnh trời quy định và trao quyền cho các cá nhân, vĩ nhân thực hiện.